TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2020/HS-ST Ngày: 20-7-2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H- TỈNH NAM ĐỊNH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Côn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định xét xử số 45/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 2000, Tên gọi khác: Không; Nơi sinh và nơi cư trú: xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 và con bà Phạm Thị V, sinh năm 1958; Gia đình có 05 anh chị em ruột, bị cáo là thứ năm; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 10/5/2020 thì chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. "có mặt"

- Bị hại:

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm 9 T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn G, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Đội 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. "có mặt"

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

3. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 18-3-2020, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà đến xóm 9 T, xã H, huyện H thấy trong sân nhà bà Phạm Thị P, sinh năm 1974 có một xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Honda Super Cub 70, biển kiểm soát 30-647HS và một xe thùng lôi loại xe ba bánh tự chế bằng sắt buộc phía sau xe mô tô. T nảy sinh ý định lừa đảo chiếc xe mô tô của bà P nên đi bộ vào trong sân rồi gọi "Cô chú ơi", bà P ở trong nhà ra hỏi "Có việc gì đấy". T hỏi bà P mượn chiếc xe mô tô và chiếc xe thùng để chở đồ về nhà. Bà P hỏi con nhà ai, ở đâu thì T nói "con nhà ông T ở xóm G, xã H, huyện H" nên bà P đồng ý cho T mượn. T điều khiển xe mô tô kéo theo xe thùng đến Trường trung học cơ sở B xã H gửi bảo vệ nhà trường chiếc xe thùng và hẹn hôm sau lấy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chiếm đoạt được của bà P đến cơ sở thu mua phế liệu của anh Trần Văn G, sinh năm 1986, ở Đội 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định bán với giá 450.000 đồng. Ngày 22-3-2020 khoảng 10 giờ, T đang đi bộ khu vực xóm 1, xã H thì thấy một xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Honda Super Cub 50, biển kiểm soát 18KA-3543 của chị Vũ Thị H, sinh năm 1990, ở xóm 1, xã H, huyện H dựng bên đường nơi chị H đang bán hàng rau nên tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếc xe mô tô của chị H. T giới thiệu là người ở xóm 4 xã H rồi hỏi chị H mượn xe mô tô để chở đồ về nhà. Chị H tin và đồng ý cho T mượn xe. Sau đó, T điều khiển xe đến Đội 10, xã T, huyện T bán cho anh Trần Văn G với giá 300.000 đồng. Số tiền 750.000 đồng bán hai chiếc xe mô tô Tăng đã ăn tiêu hết. Quá trình điều tra đã thu giữ được hai chiếc xe mô tô và xe thùng ba bánh. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã. Đến ngày 07-5-2020, Nguyễn Văn T đến Công an huyện H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 20-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: Chiếc xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu Honda Super Cub 70, biển kiểm soát 30-647HS có trị giá 4.000.000 đồng và chiếc xe thùng ba bánh bằng sắt có trị giá 300.000 đồng; Chiếc xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Honda Super Cub 50, biển kiểm soát: 18KA-3543 có trị giá là 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 7.300.000 đồng.

Cáo trạng số 44/CT-VKSHH ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hình vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù**.** Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại và người làm chứng ông T bà V vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác nên khoảng 19 giờ ngày 18-3-2020, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Honda Super Cub 70, BKS 30-647HS, 01 xe thùng loại xe ba bánh tự chế bằng sắt có tổng trị giá 4.300.000 đồng của bà Phạm Thị P, sinh năm 1974, ở xóm 9, T, xã H; khoảng 10 giờ ngày 22-3-2020, cũng với thủ đoạn gian dối đó Tăng tiếp tục chiếm đoạt 01 xe mô tô màu xanh nhãn hiệu Honda Super Cub 50, BKS 18KA-3543 trị giá 3.000.000 đồng của chị Vũ Thị H, sinh năm 1990, ở xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt là 7.300.000đ để ăn tiêu cá nhân. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình

sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà P và chị H. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bà P và chị H là người quản lý tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là lỗi cố ý. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong các ngày 18-3-2020 và ngày 22-3-2020 bị cáo đã thực hiện hành chiếm đoạt 02 xe mô tô và 01 xe thùng 3 bánh tự chế của bà P và của chị H nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã, tuy nhiên đến ngày 07-5-2020, bị cáo đến cơ quan Công an huyện H đầu thú nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo mục đích của hình phạt, đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo là người chưa có vợ con, còn sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô và 01 xe ba bánh tự chế của bà Phạm Thị P, 01 chiếc xe mô tô của chị Vũ Thị H đem bán cho anh Trần Văn G. Quá trình điều tra đã được thu hồi và xác định là tài sản hợp pháp của bà P và chị H. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, bà Phạm Thị P và chị Vũ Thị H không có đề nghị gì về phần dân sự.

Về số tiền bị cáo bán 02 chiếc xe mô tô cho anh Trần Văn G lấy 750.000đ, quá trình điều tra gia đình bị cáo cũng đã hoàn trả lại cho anh G, anh G nhận lại tiền và không yêu cầu gì thêm nên về trách nhiệm dân sự trong vụ án Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Đối với anh Trần Văn G, khi mua 02 chiếc xe mô tô của T, anh G không biết các tài sản đó là do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý bằng pháp luật là phù hợp.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-5-2020.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện + tỉnh: 02 bản;
- Công an huyện H: 02 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Thi hành án HS: 01 bản;
- Bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu Vp: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga